

Số: 3522 /QĐ-BNN-TY

Hà Nội, ngày 16 tháng 9 năm 2022

QUYẾT ĐỊNH

Về việc công bố thủ tục hành chính được sửa đổi, bổ sung, bãi bỏ lĩnh vực thú y thuộc phạm vi chức năng quản lý của Bộ Nông nghiệp và Phát triển nông thôn

BỘ TRƯỞNG BỘ NÔNG NGHIỆP VÀ PHÁT TRIỂN NÔNG THÔN

Căn cứ Nghị định số 15/2017/NĐ-CP ngày 17 tháng 02 năm 2017 của Chính phủ quy định về chức năng, nhiệm vụ, quyền hạn và cơ cấu tổ chức của Bộ Nông nghiệp và Phát triển nông thôn;

Căn cứ Nghị định số 63/2010/NĐ-CP ngày 08 tháng 6 năm 2010 của Chính phủ về kiểm soát thủ tục hành chính; Nghị định số 48/2013/NĐ-CP ngày 14 tháng 5 năm 2013 của Chính phủ sửa đổi, bổ sung một số điều của các nghị định liên quan đến kiểm soát thủ tục hành chính; Nghị định số 92/2017/NĐ-CP ngày 07 tháng 8 năm 2017 của Chính phủ sửa đổi, bổ sung một số điều của các nghị định liên quan đến kiểm soát thủ tục hành chính;

Theo đề nghị của Cục trưởng Cục Thú y.

QUYẾT ĐỊNH:

Điều 1. Công bố kèm theo Quyết định này thủ tục hành chính được sửa đổi, bổ sung, bãi bỏ lĩnh vực thú y thuộc phạm vi chức năng quản lý của Bộ Nông nghiệp và Phát triển nông thôn (có Phụ lục kèm theo).

Điều 2. Quyết định này có hiệu lực thi hành kể từ ngày 06/10/2022.

1. Bãi bỏ các nội dung công bố liên quan đến thủ tục hành chính “Kiểm dịch đối với động vật thủy sản tham gia hội chợ, triển lãm, thi đấu thể thao, biểu diễn nghệ thuật; sản phẩm động vật thủy sản tham gia hội chợ, triển lãm” được quy định tại Quyết định số 4559/QĐ-BNN-TY ngày 03 tháng 11 năm 2016 của Bộ trưởng Bộ Nông nghiệp và Phát triển nông thôn về việc công bố thủ tục hành chính chuẩn hóa thuộc phạm vi chức năng quản lý của Bộ Nông nghiệp và Phát triển nông thôn trong lĩnh vực thú y, gồm:

a) Nội dung tại Phần I (Danh mục thủ tục hành chính): Số thứ tự 70 Mục B (Thủ tục hành chính cấp tỉnh).

b) Nội dung tại Phần II (Nội dung cụ thể của từng thủ tục hành chính): Số thứ tự 18 Mục B (Thủ tục hành chính cấp tỉnh).

2. Bãi bỏ các nội dung công bố liên quan đến thủ tục hành chính “Đăng ký kiểm dịch động vật, sản phẩm động vật trên cạn nhập khẩu; đăng ký kiểm tra xác nhận chất lượng thức ăn chăn nuôi, thức ăn thủy sản có nguồn gốc

động vật nhập khẩu” và “Cấp Giấy chứng nhận kiểm dịch động vật, sản phẩm động vật trên cạn nhập khẩu; kiểm tra xác nhận chất lượng thức ăn chăn nuôi, thức ăn thủy sản có nguồn gốc động vật nhập khẩu” được quy định tại Quyết định số 2474/QĐ-BNN-TY ngày 27 tháng 6 năm 2019 của Bộ trưởng Bộ Nông nghiệp và Phát triển nông thôn về việc công bố thủ tục hành chính được sửa đổi, bổ sung lĩnh vực thú y thuộc phạm vi chức năng quản lý của Bộ Nông nghiệp và Phát triển nông thôn, gồm:

a) Các nội dung tại Phần I (Danh mục thủ tục hành chính): Số thứ tự 32, 33 Mục A (Thủ tục hành chính cấp trung ương);

b) Các nội dung tại Phần II (Nội dung cụ thể của từng thủ tục hành chính): Số thứ tự 32, 33 Mục A (Thủ tục hành chính cấp trung ương).

3. Bãi bỏ các nội dung công bố có số thứ tự 48 Phần A (Thủ tục hành chính cấp trung ương) và số thứ tự 99 Phần B (Thủ tục hành chính cấp tỉnh) Phụ lục ban hành kèm theo Quyết định số 3279/QĐ-BNN-VP ngày 22 tháng 7 năm 2021 về việc công bố thủ tục hành chính được sửa đổi, bổ sung mức phí, lệ phí lĩnh vực Bảo vệ thực vật, Chăn nuôi, Trồng trọt, Thú y, Nông nghiệp, Thủy sản, Quản lý Chất lượng Nông lâm sản và Thủy sản, Lâm nghiệp thuộc phạm vi chức năng quản lý của Bộ Nông nghiệp và Phát triển nông thôn.

4. Thực hiện quy định chuyển tiếp tại khoản 2 Điều 3 Thông tư số 09/2022/TT-BNNPTNT ngày 19/8/2022 của Bộ trưởng Bộ Nông nghiệp và Phát triển nông thôn sửa đổi, bổ sung một số điều của các Thông tư quy định về kiểm dịch động vật, sản phẩm động vật trên cạn.

Điều 3. Chánh Văn phòng Bộ, Vụ trưởng Vụ Pháp chế, Cục trưởng Cục Thú y, Thủ trưởng các Tổng cục, Vụ, Cục, đơn vị có liên quan chịu trách nhiệm thi hành Quyết định này./.

Nơi nhận:

- Như Điều 3;
- Bộ trưởng (để b/c);
- Văn phòng Chính phủ (Cục KSTTHC);
- UBND các tỉnh, TP trực thuộc TW;
- Trung tâm Tin học và Thống kê (Cổng Thông tin điện tử Bộ NN&PTNT);
- Văn phòng Bộ (Phòng KSTTHC);
- Báo Nông nghiệp Việt Nam;
- Lưu: VT, TY.

**KT. BỘ TRƯỞNG
THỨ TRƯỞNG**



Phùng Đức Tiến

Phụ lục

**THỦ TỤC HÀNH CHÍNH ĐƯỢC SỬA ĐỔI, BỔ SUNG, BÃI BỎ LĨNH
VỰC THÚ Y THUỘC PHẠM VI CHỨC NĂNG QUẢN LÝ CỦA BỘ
NÔNG NGHIỆP VÀ PHÁT TRIỂN NÔNG THÔN**

(Ban hành kèm theo Quyết định số /QĐ-BNN-TY ngày tháng năm
2022 của Bộ trưởng Bộ Nông nghiệp và Phát triển nông thôn)

PHẦN I. DANH MỤC THỦ TỤC HÀNH CHÍNH

**1. Danh mục thủ tục hành chính được sửa đổi, bổ sung thuộc phạm vi
chức năng quản lý của Bộ Nông nghiệp và Phát triển nông thôn**

STT	Số hồ sơ TTHC	Tên thủ tục hành chính	Tên VBQPPL quy định nội dung sửa đổi, bổ sung, thay thế	Lĩnh vực	Cơ quan thực hiện	Ghi chú
1	1.003264	Đăng ký kiểm dịch động vật, sản phẩm động vật trên cạn nhập khẩu; đăng ký kiểm tra xác nhận chất lượng thức ăn chăn nuôi, thức ăn thủy sản có nguồn gốc động vật nhập khẩu	Thông tư số 09/2022/TT- BNNPTNT ngày 19/8/2022 của Bộ trưởng Bộ Nông nghiệp và Phát triển nông thôn sửa đổi, bổ sung một số điều của các Thông tư quy định về kiểm dịch động vật, sản phẩm động vật trên cạn	Thú y	Cục Thú y	Thủ tục này trước đây được công bố tại Quyết định số 2474/QĐ- BNN-TY ngày 27/6/2019 của Bộ Nông nghiệp và Phát triển nông thôn
2	1.003113	Cấp Giấy chứng nhận kiểm dịch động vật, sản phẩm	Thông tư số 09/2022/TT- BNNPTNT ngày 19/8/2022	Thú y	Chi cục Thú y vùng hoặc Chi cục Kiểm dịch động	Thủ tục này trước đây được công bố tại Quyết

		động vật trên cạn nhập khẩu; kiểm tra xác nhận chất lượng thức ăn chăn nuôi, thức ăn thủy sản có nguồn gốc động vật nhập khẩu.	của Bộ trưởng Bộ Nông nghiệp và Phát triển nông thôn sửa đổi, bổ sung một số điều của các Thông tư quy định về kiểm dịch động vật, sản phẩm động vật trên cạn		vật vùng thuộc Cục Thú y hoặc cơ quan quản lý chuyên ngành thú y cấp tỉnh được Cục Thú y ủy quyền (Cơ quan kiểm dịch động vật cửa khẩu)	định số 2474/QĐ-BNN-TY ngày 27/6/2019 và Quyết định số 3279/QĐ-BNN-VP ngày 22/7/2021 của Bộ Nông nghiệp và Phát triển nông thôn
--	--	--	---	--	---	---

2. Danh mục thủ tục hành chính bị bãi bỏ thuộc phạm vi chức năng quản lý của Bộ Nông nghiệp và Phát triển nông thôn

STT	Số hồ sơ TTHC	Tên thủ tục hành chính	Tên VBQPPL quy định nội dung sửa đổi, bổ sung, thay thế	Lĩnh vực	Cơ quan thực hiện	Ghi chú
A	Thủ tục hành chính cấp tỉnh					
1	1.001094	Kiểm dịch đối với động vật thủy sản tham gia hội chợ, triển lãm, thi đấu thể thao, biểu diễn nghệ thuật; sản phẩm động vật thủy sản tham gia hội chợ, triển lãm	Thông tư số 06/2022/TT-BNNPTNT ngày 28/7/2022 của Bộ trưởng Bộ Nông nghiệp và Phát triển nông thôn sửa đổi, bổ sung một số điều của các Thông tư quy định về kiểm dịch động vật, sản phẩm động vật thủy sản	Thú y	Cơ quan quản lý chuyên ngành thú y cấp tỉnh hoặc cơ quan quản lý chuyên ngành thú y cấp huyện được ủy quyền	Thủ tục này trước đây được công bố tại Quyết định số 4559/QĐ-BNN-TY ngày 03/11/2016 và Quyết định số 3279/QĐ-BNN-VP ngày 22/7/2021 của Bộ Nông nghiệp và Phát triển nông thôn

PHẦN II. NỘI DUNG CỤ THỂ CỦA TỪNG THỦ TỤC HÀNH CHÍNH LĨNH VỰC THÚ Y THUỘC PHẠM VI CHỨC NĂNG QUẢN LÝ CỦA BỘ NÔNG NGHIỆP VÀ PHÁT TRIỂN NÔNG THÔN

1. Đăng ký kiểm dịch động vật, sản phẩm động vật trên cạn nhập khẩu; đăng ký kiểm tra xác nhận chất lượng thức ăn chăn nuôi, thức ăn thủy sản có nguồn gốc động vật nhập khẩu

a) Trình tự thực hiện

Bước 1: Trước khi nhập khẩu thức ăn chăn nuôi, thủy sản có nguồn gốc động vật, chủ hàng gửi Cục Thú y 01 bộ hồ sơ đăng ký kiểm dịch theo một trong các hình thức: qua Cổng thông tin một cửa quốc gia hoặc dịch vụ bưu chính hoặc dịch vụ bưu chính công ích hoặc gửi qua thư điện tử, fax sau đó gửi bản chính hoặc trực tiếp.

Bước 2: Trong thời hạn 05 ngày làm việc, kể từ ngày nhận được hồ sơ hợp lệ; căn cứ tình hình dịch bệnh, hệ thống quản lý giám sát dịch bệnh, giám sát vệ sinh thú y của nước xuất khẩu, Cục Thú y có văn bản hướng dẫn kiểm dịch gửi chủ hàng, cơ quan kiểm dịch động vật cửa khẩu qua Cổng thông tin một cửa quốc gia (đối với trường hợp chủ hàng đăng ký trên Cổng thông tin một cửa quốc gia) hoặc gửi thư điện tử (đối với trường hợp chủ hàng đăng ký qua dịch vụ bưu chính, bưu chính công ích hoặc gửi qua thư điện tử, fax hoặc gửi trực tiếp).

Trường hợp động vật, sản phẩm động vật từ quốc gia, vùng lãnh thổ lần đầu tiên đăng ký nhập khẩu vào Việt Nam hoặc từ quốc gia, vùng lãnh thổ có nguy cơ cao về dịch bệnh động vật phải được Cục Thú y tiến hành phân tích nguy cơ theo quy định tại Điều 43 Luật Thú y.

b) Cách thức thực hiện: qua Cổng thông tin một cửa quốc gia hoặc qua dịch vụ bưu chính, bưu chính công ích hoặc gửi qua thư điện tử, fax sau đó gửi bản chính hoặc gửi trực tiếp.

c) Thành phần, số lượng hồ sơ:

* Thành phần hồ sơ:

- Văn bản đề nghị hướng dẫn kiểm dịch động vật, sản phẩm động vật nhập khẩu theo Mẫu 19, đối với bột thịt xương sử dụng Mẫu 20 Phụ lục V ban hành kèm theo Thông tư số 25/2016/TT-BNNPTNT;

- Đối với động vật, sản phẩm động vật thuộc đối tượng quản lý của cơ quan nhà nước có thẩm quyền liên quan khác, phải nộp văn bản hoặc giấy phép theo quy định;

- Trường hợp động vật, sản phẩm động vật nhập khẩu để gia công, chế biến hàng xuất khẩu thì các cơ sở sản xuất gia công, chế biến hàng xuất khẩu phải có Giấy chứng nhận điều kiện vệ sinh thú y.

* Số lượng hồ sơ: 01 bộ.

d) Thời hạn giải quyết: trong thời hạn 05 ngày làm việc, kể từ ngày nhận được hồ sơ hợp lệ.

đ) Đối tượng thực hiện thủ tục hành chính: tổ chức, cá nhân.

e) Cơ quan thực hiện thủ tục hành chính: Cục Thú y.

g) Kết quả thực hiện thủ tục hành chính: văn bản đồng ý và hướng dẫn kiểm dịch.

h) Phí, lệ phí: không quy định.

i) Mẫu đơn, mẫu tờ khai hành chính: Đơn đăng ký kiểm dịch động vật, sản phẩm động vật nhập khẩu theo Mẫu 19 tại Phụ lục V ban hành kèm theo Thông tư số 25/2016/TT-BNNPTNT hoặc Đơn đăng ký kiểm dịch nhập khẩu bột thịt xương Mẫu 20 tại Phụ lục V ban hành kèm theo Thông tư số 25/2016/TT-BNNPTNT.

k) Yêu cầu, điều kiện: không quy định.

l) Căn cứ pháp lý:

- Luật Thú y ngày 19/6/2015;

- Thông tư số 25/2016/TT-BNNPTNT ngày 30/6/2016 của Bộ trưởng Bộ Nông nghiệp và Phát triển nông thôn quy định về kiểm dịch động vật, sản phẩm động vật trên cạn;

- Thông tư số 35/2018/TT-BNNPTNT ngày 25/12/2018 của Bộ trưởng Bộ Nông nghiệp và Phát triển nông thôn sửa đổi, bổ sung một số điều của Thông tư số 25/2016/TT-BNNPTNT ngày 30/6/2016;

- Thông tư số 09/2022/TT-BNNPTNT ngày 19/8/2022 của Bộ trưởng Bộ Nông nghiệp và Phát triển nông thôn sửa đổi, bổ sung một số điều của các Thông tư quy định về kiểm dịch động vật, sản phẩm động vật trên cạn.

CÔNG TY
 Địa chỉ:
 Tel:
 Fax:
 Email:
 Số:/

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

....., ngày tháng năm 20....

Mẫu 19

ĐƠN ĐĂNG KÝ KIỂM DỊCH ĐỘNG VẬT, SẢN PHẨM ĐỘNG VẬT NHẬP KHẨU

Kính gửi: Cục Thú y

Căn cứ nhu cầu sản xuất, kinh doanh của Công ty, Giám đốc Công tyđề nghị Cục Thú y hướng dẫn Công ty được kiểm dịch nhập khẩu lô hàng:

I. ĐỘNG VẬT

STT	Loại động vật	Số lượng (con) ⁽¹⁾		Nước xuất xứ	Cửa khẩu nhập
		Đực	Cái		
	Tổng số				

- Từ Công ty:.....
 Địa chỉ:
- Thời gian thực hiện:.....
- Mục đích sử dụng:.....
- Địa điểm nuôi cách ly kiểm dịch:
- Các giấy tờ có liên quan kèm theo:.....

II. SẢN PHẨM ĐỘNG VẬT

STT	Tên hàng	Số lượng ⁽¹⁾ (tấn)	Nước xuất xứ	Cửa khẩu nhập
	Tổng số			

- Từ Công ty:.....
 Địa chỉ:
- Từ Nhà máy sản xuất, chế biến (đối với sản phẩm động vật làm thực phẩm):
 Địa chỉ:
- Thời gian thực hiện:.....
- Mục đích sử dụng:
- Các giấy tờ có liên quan kèm theo:

Chúng tôi cam kết chấp hành nghiêm Pháp luật về Thú y.

CÔNG TY

Giám đốc

(Ký tên, đóng dấu)

(1): Số lượng động vật, sản phẩm động vật có thể dự trữ nhập khẩu trong 03 tháng.

CÔNG TY
 Địa chỉ:
 Tel:
 Fax:
 Email:
 Số:/

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

....., ngày tháng năm 20 ...

Mẫu 20

**ĐƠN ĐĂNG KÝ KIỂM DỊCH
 NHẬP KHẨU BỘT THỊT XƯƠNG**

Kính gửi: Cục Thú y

Căn cứ nhu cầu sản xuất, kinh doanh của Công ty, Giám đốc Công ty đề nghị Cục Thú y hướng dẫn Công ty được kiểm dịch nhập khẩu lô hàng bột thịt xương:

STT	Tên hàng	Số lượng⁽¹⁾ (tấn)	Nước xuất xứ	Cửa khẩu nhập
	Tổng số			

- Từ Công ty:.....
Địa chỉ:
- Từ Nhà máy sản xuất, chế biến:
Địa chỉ:
- Thời gian thực hiện:.....
- Mục đích sử dụng: chế biến thức ăn chăn nuôi cho lợn và gia cầm.
- Các giấy tờ có liên quan kèm theo:
- Địa điểm nhà máy sản xuất thức ăn chăn nuôi của Công ty:

Chúng tôi cam kết chỉ sử dụng bột thịt xương nhập khẩu của Công ty để sản xuất thức ăn cho loại động vật nêu trên tại Nhà máy của Công ty và không sử dụng bột thịt xương để sản xuất thức ăn cho loài nhai lại và cam kết chấp hành nghiêm Pháp luật về Thú y.

CÔNG TY

Giám đốc

(Ký tên, đóng dấu)

(1): Số lượng có thể dự trữ nhập khẩu trong 03 tháng.

2. Cấp Giấy chứng nhận kiểm dịch động vật, sản phẩm động vật trên cạn nhập khẩu; kiểm tra xác nhận chất lượng thức ăn chăn nuôi, thức ăn thủy sản có nguồn gốc động vật nhập khẩu

a) Trình tự thực hiện

Bước 1: Trước khi hàng về đến cửa khẩu, chủ hàng gửi 01 bộ hồ sơ đến cơ quan kiểm dịch động vật cửa khẩu theo một trong các hình thức: qua Cổng thông tin một cửa quốc gia hoặc qua dịch vụ bưu chính, bưu chính công ích hoặc gửi qua thư điện tử, fax sau đó gửi bản chính hoặc gửi trực tiếp.

****Trường hợp kiểm dịch động vật, sản phẩm động vật trên cạn nhập khẩu:***

Bước 2: Trong thời hạn 01 ngày làm việc, kể từ ngày nhận được hồ sơ khai báo kiểm dịch động vật, sản phẩm động vật hợp lệ, cơ quan kiểm dịch động vật cửa khẩu quyết định và thông báo cho tổ chức, cá nhân đăng ký kiểm dịch về địa điểm, thời gian để tiến hành kiểm dịch.

Bước 3: Cơ quan kiểm dịch động vật cửa khẩu thực hiện kiểm dịch theo quy định: kiểm tra hồ sơ, tình trạng sức khỏe của động vật, thực trạng hàng hóa sản phẩm động vật, lấy mẫu xét nghiệm tác nhân gây bệnh; áp dụng các biện pháp phòng bệnh bắt buộc cho động vật; hướng dẫn chủ hàng thực hiện các biện pháp vệ sinh, khử trùng, tiêu độc; kiểm tra điều kiện vệ sinh thú y đối với phương tiện vận chuyển, kho bảo quản sản phẩm động vật, nơi cách ly kiểm dịch động vật. Trường hợp động vật, sản phẩm động vật không đạt yêu cầu thì lập biên bản và xử lý theo quy định của pháp luật.

Đối với lô hàng nhập khẩu với mục đích làm mẫu, có trọng lượng dưới 50 kg được miễn Giấy chứng nhận kiểm dịch của nước xuất khẩu, miễn lấy mẫu kiểm tra.

Bước 4: Cấp Giấy chứng nhận kiểm dịch và thông báo cho cơ quan quản lý chuyên ngành thú y nơi đến:

- Cấp Giấy chứng nhận kiểm dịch nhập khẩu đối với động vật đạt yêu cầu vệ sinh thú y theo Mẫu 15a ban hành kèm theo Thông tư số 25/2016/TT-BNNPTNT.

- Cấp Giấy chứng nhận kiểm dịch nhập khẩu đối với sản phẩm động vật đạt yêu cầu vệ sinh thú y theo Mẫu 15b ban hành kèm theo Thông tư số 25/2016/TT-BNNPTNT.

**** Trường hợp kiểm dịch đồng thời kiểm tra chất lượng thức ăn chăn nuôi, thức ăn thủy sản nhập khẩu***

Bước 2: Trong thời hạn 01 ngày làm việc, kể từ ngày nhận được hồ sơ hợp lệ, cơ quan kiểm dịch động vật cửa khẩu xác nhận vào Giấy đăng ký/khai báo kiểm dịch và kiểm tra xác nhận chất lượng thức ăn chăn nuôi, thủy sản có nguồn gốc động vật nhập khẩu để chủ hàng làm thủ tục kiểm dịch và kiểm tra

chất lượng; quyết định và thông báo cho tổ chức, cá nhân đăng ký kiểm dịch về địa điểm, thời gian để tiến hành kiểm dịch; kiểm tra chất lượng thức ăn chăn nuôi, thủy sản theo quy định.

Bước 3: Cơ quan kiểm dịch động vật cửa khẩu thực hiện kiểm dịch và kiểm tra chất lượng thức ăn chăn nuôi, thủy sản theo quy định.

- Nội dung kiểm dịch: kiểm tra hồ sơ khai báo kiểm dịch, thực trạng hàng hóa, lấy mẫu kiểm tra tác nhân gây bệnh; hướng dẫn chủ hàng thực hiện các biện pháp vệ sinh, khử trùng, tiêu độc; kiểm tra điều kiện vệ sinh thú y đối với phương tiện vận chuyển, kho bảo quản sản phẩm động vật. Trường hợp sản phẩm động vật không đạt yêu cầu thì lập biên bản và xử lý theo quy định của pháp luật.

Đối với lô hàng nhập khẩu với mục đích làm mẫu, có trọng lượng dưới 50 kg được miễn Giấy chứng nhận kiểm dịch của nước xuất khẩu, miễn lấy mẫu kiểm tra.

- Nội dung kiểm tra chất lượng thức ăn chăn nuôi, thủy sản: thực hiện theo quy định tại khoản 2, khoản 4 Điều 18 Nghị định số 13/2020/NĐ-CP ngày 21/10/2020 của Chính phủ hướng dẫn chi tiết Luật Chăn nuôi (đã được sửa đổi, bổ sung tại Nghị định số 46/2022/NĐ-CP ngày 13/7/2022 của Chính phủ) và Điều 29 Nghị định số 26/2019/NĐ-CP ngày 08/3/2019 của Chính phủ quy định chi tiết một số điều và biện pháp thi hành Luật Thủy sản.

Bước 4: Cơ quan kiểm dịch động vật cửa khẩu gửi Giấy chứng nhận kiểm dịch; Giấy xác nhận chất lượng theo quy định trực tiếp cho chủ hàng hoặc gửi trên Cổng thông tin một cửa quốc gia (đối với chủ hàng đăng ký trên Cổng thông tin một cửa quốc gia).

Đối với thức ăn chăn nuôi, thủy sản dạng phối chế vừa có nguồn gốc động vật, vừa có nguồn gốc thực vật nhập khẩu, Cục Thú y tổ chức thực hiện kiểm dịch, kiểm tra nhà nước về chất lượng và thông báo cho Cục Bảo vệ thực vật để phối hợp kiểm tra.

b) Cách thức thực hiện: qua Cổng thông tin một cửa quốc gia hoặc qua dịch vụ bưu chính, bưu chính công ích hoặc gửi qua thư điện tử, fax sau đó gửi bản chính hoặc gửi trực tiếp.

c) Thành phần, số lượng hồ sơ:

*Thành phần hồ sơ kiểm dịch động vật, sản phẩm động vật:

- Đơn khai báo kiểm dịch theo Mẫu 3 Phụ lục V ban hành kèm theo Thông tư số 25/2016/TT-BNNPTNT.

- Giấy chứng nhận kiểm dịch của nước xuất khẩu (miễn trong trường hợp nhập khẩu lô hàng sản phẩm động vật làm mẫu có trọng lượng dưới 50 kg).

* Thành phần hồ sơ kiểm dịch đồng thời kiểm tra chất lượng thức ăn chăn nuôi, thủy sản nhập khẩu

- Giấy đăng ký/khai báo kiểm dịch và kiểm tra xác nhận chất lượng thức ăn chăn nuôi, thủy sản có nguồn gốc động vật nhập khẩu (Mẫu 20a Phụ lục ban hành kèm theo Thông tư số 09/2022/TT-BNNPTNT).

- Giấy chứng nhận kiểm dịch của nước xuất khẩu (miễn trong trường hợp nhập khẩu lô hàng sản phẩm động vật làm mẫu có trọng lượng dưới 50 kg).

- Hợp đồng mua bán; phiếu đóng gói (Packing list); hóa đơn mua bán (Invoice); phiếu kết quả phân tích chất lượng của nước xuất khẩu cấp cho lô hàng (Certificate of Analysis); nhãn sản phẩm của cơ sở sản xuất; bản tiêu chuẩn công bố áp dụng của tổ chức, cá nhân nhập khẩu (đối với kiểm tra chất lượng thức ăn chăn nuôi).

- Bản sao Hợp đồng, Danh mục hàng hóa (nếu có); bản sao (có xác nhận của người nhập khẩu) vận đơn, hóa đơn, tờ khai hàng hóa nhập khẩu (nếu có); chứng chỉ chất lượng của nước xuất khẩu (giấy chứng nhận chất lượng, kết quả thử nghiệm) (nếu có); giấy chứng nhận xuất xứ (nếu có), ảnh hoặc bản mô tả hàng hóa có các nội dung bắt buộc phải thể hiện trên nhãn hàng hóa và nhãn phụ (nếu nhãn chính chưa đủ nội dung theo quy định); chứng nhận lưu hành tự do CFS (nếu có) (đối với kiểm tra chất lượng thức ăn thủy sản).

* Số lượng hồ sơ: 01 bộ.

d) Thời hạn giải quyết:

* *Kiểm dịch động vật, sản phẩm động vật:*

- Trong thời hạn 01 ngày làm việc, kể từ ngày nhận được hồ sơ khai báo kiểm dịch động vật, sản phẩm động vật hợp lệ, cơ quan kiểm dịch động vật cửa khẩu quyết định và thông báo cho tổ chức, cá nhân đăng ký kiểm dịch về địa điểm, thời gian để tiến hành kiểm dịch.

- Thời gian theo dõi cách ly kiểm dịch phù hợp với từng loài động vật, từng bệnh được kiểm tra nhưng không quá 45 ngày, kể từ ngày bắt đầu cách ly kiểm dịch.

* *Kiểm tra chất lượng thức ăn chăn nuôi, thủy sản:*

Kiểm tra tính đầy đủ của hồ sơ: trong 01 ngày làm việc kể từ ngày nhận được hồ sơ.

đ) Đối tượng thực hiện thủ tục hành chính: tổ chức, cá nhân.

e) Cơ quan thực hiện thủ tục hành chính: Chi cục Thú y vùng hoặc Chi cục Kiểm dịch động vật vùng thuộc Cục Thú y hoặc cơ quan quản lý chuyên ngành thú y cấp tỉnh được Cục Thú y ủy quyền (Cơ quan kiểm dịch động vật cửa khẩu).

g) Kết quả thực hiện thủ tục hành chính:

- Giấy chứng nhận kiểm dịch động vật, sản phẩm động vật nhập khẩu theo mẫu số 15a, 15b Phụ lục V ban hành kèm theo Thông tư số 25/2016/TT-BNNPTNT;

- Xác nhận của cơ quan kiểm dịch và kiểm tra chất lượng tại Giấy đăng ký/khai báo kiểm dịch và kiểm tra xác nhận chất lượng thức ăn chăn nuôi, thủy sản có nguồn gốc động vật nhập khẩu theo Mẫu 20a Phụ lục ban hành kèm theo Thông tư số 09/2022/TT-BNNPTNT;

- Thông báo kết quả kiểm tra nhà nước về chất lượng hàng hóa nhập khẩu theo Mẫu 03 tại Phụ lục ban hành kèm theo Nghị định số 74/2018/NĐ-CP.

h) Phí, lệ phí:

- Lệ phí cấp giấy chứng nhận kiểm dịch động vật, sản phẩm động vật trên cạn; thủy sản nhập khẩu: 40.000 đồng/lần theo quy định tại Thông tư số 101/2020/TT-BTC ngày 23/11/2020 của Bộ trưởng Bộ Tài chính quy định về mức thu, chế độ thu, nộp, quản lý phí, lệ phí trong công tác thú y;

- Phí kiểm dịch động vật, sản phẩm động vật bao gồm cả thủy sản: Chi tiết theo Mục III Biểu phí, lệ phí trong công tác thú y quy định tại Thông tư số 101/2020/TT-BTC ngày 23/11/2020 của Bộ trưởng Bộ Tài chính quy định về mức thu, chế độ thu, nộp, quản lý phí, lệ phí trong công tác thú y;

- Chi phí khác: Biểu khung giá dịch vụ ban hành kèm theo Thông tư số 283/2016/TT-BTC ngày 14/11/2016 của Bộ trưởng Bộ Tài chính quy định khung giá dịch vụ tiêm phòng, tiêu độc, khử trùng cho động vật, chẩn đoán thú y và dịch vụ kiểm nghiệm thuốc dùng cho động vật.

i) Mẫu đơn, mẫu tờ khai hành chính:

- Đơn khai báo kiểm dịch theo Mẫu 3 Phụ lục V ban hành kèm theo Thông tư số 25/2016/TT-BNNPTNT;

- Giấy đăng ký/khai báo kiểm dịch và kiểm tra xác nhận chất lượng thức ăn chăn nuôi, thủy sản có nguồn gốc động vật nhập khẩu (Mẫu 20a Phụ lục ban hành kèm theo Thông tư số 09/2022/TT-BNNPTNT).

k) Yêu cầu, điều kiện: không quy định.**l) Căn cứ pháp lý:**

- Luật Thú y ngày 19/6/2015;

- Nghị định số 74/2018/NĐ-CP ngày 15/5/2018 sửa đổi, bổ sung một số điều của Nghị định số 132/2008/NĐ-CP ngày 31/12/2008 của Chính phủ quy định chi tiết thi hành một số điều Luật Chất lượng sản phẩm, hàng hóa;

- Nghị định số 154/2018/NĐ-CP ngày 09/11/2018 sửa đổi, bổ sung, bãi bỏ một số quy định về điều kiện đầu tư, kinh doanh trong lĩnh vực quản lý nhà

nước của Bộ Khoa học và Công nghệ và một số quy định về kiểm tra chuyên ngành;

- Nghị định số 13/2020/NĐ-CP ngày 21/01/2020 của Chính phủ về hướng dẫn chi tiết Luật Chăn nuôi;

- Nghị định số 46/2022/NĐ-CP ngày 13/7/2022 sửa đổi, bổ sung một số điều của Nghị định số 13/2020/NĐ-CP ngày 21/01/2020 của Chính phủ về hướng dẫn chi tiết Luật Chăn nuôi;

- Nghị định số 26/2019/NĐ-CP ngày 08/3/2019 của Chính phủ về hướng dẫn chi tiết Luật Thủy sản;

- Thông tư số 25/2016/TT-BNNPTNT ngày 30/6/2016 của Bộ trưởng Bộ Nông nghiệp và Phát triển nông thôn quy định về kiểm dịch động vật, sản phẩm động vật trên cạn;

- Thông tư số 35/2018/TT-BNNPTNT ngày 25/12/2018 của Bộ trưởng Bộ Nông nghiệp và Phát triển nông thôn sửa đổi, bổ sung một số điều của Thông tư số 25/2016/TT-BNNPTNT ngày 30/6/2016 của Bộ trưởng Bộ Nông nghiệp và Phát triển nông thôn;

- Thông tư số 09/2022/TT-BNNPTNT ngày 19/8/2022 của Bộ trưởng Bộ Nông nghiệp và Phát triển nông thôn sửa đổi, bổ sung một số điều của các Thông tư quy định về kiểm dịch động vật, sản phẩm động vật trên cạn;

- Thông tư số 101/2020/TT-BTC ngày 23/11/2020 của Bộ trưởng Bộ Tài chính quy định về mức thu, chế độ thu, nộp, quản lý phí, lệ phí trong công tác thú y;

- Thông tư số 283/2016/TT-BTC ngày 14/11/2016 của Bộ trưởng Bộ Tài chính Quy định khung giá dịch vụ tiêm phòng, tiêu độc, khử trùng cho động vật, chẩn đoán thú y và dịch vụ kiểm nghiệm thuốc dùng cho động vật.

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập – Tự do – Hạnh phúc

Mẫu 20a

**GIẤY ĐĂNG KÝ/KHAI BÁO KIỂM DỊCH VÀ KIỂM TRA
XÁC NHẬN CHẤT LƯỢNG THỨC ĂN CHĂN NUÔI, THỦY SẢN CÓ NGUỒN GỐC
ĐỘNG VẬT NHẬP KHẨU**

Số:.....
(Dành cho tổ chức, cá nhân đăng ký kiểm tra ghi)

Số:.....
(Dành cho cơ quan kiểm tra ghi)

Kính gửi:

<p>1. Bên bán hàng:</p> <p>Địa chỉ:</p> <p>Điện thoại:</p> <p>Email:</p>	<p>2. Bên mua hàng:</p> <p>Địa chỉ:</p> <p>Điện thoại:</p> <p>Email:</p> <p>Số định danh cá nhân/CMND/căn cước (với cá nhân): ngày cấp, nơi cấp</p>
MÔ TẢ HÀNG HÓA	
<p>3. Tên hàng hóa:</p> <p><i>Nhóm thức ăn chăn nuôi:</i></p> <p>4. Số lượng, khối lượng: loại bao bì:</p> <p>5. Trọng lượng tịnh:</p> <p>6. Trọng lượng cả bì:</p> <p>7. Mục đích sử dụng:</p>	<p>8. Mã số công nhận thức ăn chăn nuôi, thủy sản được cấp phép lưu hành tại Việt Nam (nếu có):</p> <p>9. Tên cơ sở sản xuất (<i>hãng, nước sản xuất</i>):</p> <p>10. Xuất xứ hàng hóa:</p>
THÔNG TIN LIÊN QUAN	
<p>11. Văn bản hướng dẫn kiểm dịch số ... ngày ...</p> <p>12. Giấy chứng nhận kiểm dịch của nước xuất khẩu số ngày</p> <p>13. Cửa khẩu xuất:</p> <p>14. Cửa khẩu nhập:</p> <p>15. Hợp đồng mua bán: số ngày</p>	<p>19. Thời gian đăng ký lấy mẫu kiểm dịch:</p> <p>20. Địa điểm đăng ký lấy mẫu:</p> <p>21. Thông tin người liên hệ:</p> <p>22. Thời gian đánh giá (chất lượng):</p> <p>23. Lựa chọn hình thức công bố hợp quy:</p> <p>24. Đơn vị/Tổ chức đánh giá sự phù hợp:</p>

16. Hóa đơn mua bán: số ngày	
17. Phiếu đóng gói: số ngày	
18. Vận đơn (nếu có): số ngày	
<p>Chúng tôi xin cam kết: Bảo đảm nguyên trạng hàng hóa nhập khẩu, đưa về đúng địa điểm, đúng thời gian được đăng ký và chỉ đưa hàng hóa ra lưu thông sau khi được quý cơ quan cấp Giấy chứng nhận kiểm dịch và thực hiện việc kiểm tra chất lượng thức ăn chăn nuôi, thủy sản nhập khẩu theo quy định của pháp luật.</p> <p style="text-align: right;">.....ngày.....tháng.....năm..... Đại diện tổ chức, cá nhân <i>(Ký tên, đóng dấu)</i></p> <p style="text-align: center;">DÀNH CHO CƠ QUAN KIỂM TRA</p>	
<p>25. Yêu cầu đánh giá chỉ tiêu:</p> <p>Biện pháp kiểm tra:</p>	

Xác nhận của cơ quan kiểm dịch và kiểm tra chất lượng

Đồng ý đưa hàng hóa về địa điểm:..... để làm thủ tục kiểm dịch và kiểm tra chất lượng vào hồi..... giờ, ngày..... tháng..... năm.....

....., ngày..... tháng..... năm.....
Đại diện cơ quan kiểm tra
(Ký, đóng dấu, ghi rõ họ tên)

Xác nhận của cơ quan hải quan (nếu có)

.....
....., ngày..... tháng..... năm.....

Hải quan cửa khẩu.....
(Ký, đóng dấu, ghi rõ họ tên)

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

....., ngày.....thángnăm

ĐƠN KHAI BÁO KIỂM DỊCH (*)

Số:/ĐK-KD

Kính gửi:(**)

Tên tổ chức, cá nhân đăng ký:

Địa chỉ:

Điện thoại:FaxE-mail

Đề nghị quý Cơ quan kiểm dịch lô hàng (***) :(nhập khẩu, TNTX, quá cảnh
lãnh thổ,...)

1. Tên hàng:

2. Nơi sản xuất:

3. Số lượng:

4. Trọng lượng tịnh:

5. Trọng lượng cả bì:

6. Loại bao bì:

7. Số hợp đồng hoặc số chứng từ thanh toán (L/C, TTr...):.....

8. Tổ chức, cá nhân xuất khẩu:

9. Nước xuất khẩu:

10. Cửa khẩu xuất:

11. Tổ chức, cá nhân nhập khẩu:

12. Nước nhập khẩu:

13. Phương tiện vận chuyển:

14. Cửa khẩu nhập:

15. Mục đích sử dụng:

16. Văn bản chấp thuận kiểm dịch của Cục Thú y (nếu có):

17. Địa điểm kiểm dịch:

18. Thời gian kiểm dịch:

19. Địa điểm giám sát (nếu có):

20. Thời gian giám sát:

21. Số bản giấy chứng nhận kiểm dịch cần cấp:

Chúng tôi xin cam kết: bảo đảm nguyên trạng hàng hóa nhập khẩu, đưa về đúng địa điểm, đúng thời gian được đăng ký và chỉ đưa hàng hóa ra lưu thông sau khi được quý Cơ quan cấp Giấy chứng nhận kiểm dịch (****).

TỔ CHỨC/ CÁ NHÂN ĐĂNG KÝ
(Ký, đóng dấu, ghi rõ họ tên)

XÁC NHẬN CỦA CƠ QUAN KIỂM DỊCH ĐỘNG VẬT:

Đồng ý đưa hàng hóa về địa điểm:

.....

để làm thủ tục kiểm dịch vào hồi giờ, ngày tháng năm

Vào sổ số, ngày tháng năm.....

.....(**)
(Ký, đóng dấu, ghi rõ họ tên)

XÁC NHẬN CỦA CƠ QUAN HẢI QUAN:
(Trong trường hợp lô hàng không được nhập khẩu)

Lô hàng không được nhập khẩu vào Việt Nam vì lý do

.....

.....

....., ngày tháng năm.....

CHI CỤC HẢI QUAN CỬA KHẨU

.....
(Ký, đóng dấu, ghi rõ họ tên)

Đơn khai báo được làm thành 03 bản;

(*) Đăng ký theo mẫu này được thể hiện trên 2 mặt của tờ giấy khổ A4;

(**) Tên Cơ quan Kiểm dịch;

(***) Phải có đầy đủ các tiêu chí theo đúng thứ tự và khai các tiêu chí thích hợp đối với lô hàng;

(****) Cam kết này chỉ ghi khi đăng ký kiểm dịch đối với hàng hóa nhập khẩu;

Lưu ý: Cá nhân đăng ký không có con dấu phải ghi rõ Số chứng minh nhân dân/Số Hộ chiếu/Số định danh cá nhân, ngày tháng và nơi cấp.

Mẫu 15a

CỤC THÚ Y
TÊN CƠ QUAN KIỂM
DỊCH ĐỘNG VẬT



CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

GIẤY CHỨNG NHẬN KIỂM DỊCH ĐỘNG VẬT NHẬP KHẨU

Số:/CN-KDDVNK

Họ tên chủ hàng (hoặc người đại diện):

Địa chỉ giao dịch:

Số chứng minh nhân dân/Số Hộ chiếu/Số định danh cá nhân: Cấp ngày
...../...../..... tại

Điện thoại: Fax: Email:

Có nhập khẩu số động vật sau:

Loại động vật	Tuổi	Tính biệt		Số lượng (con)	Mục đích sử dụng
		Đực	Cái		
Tổng số					

Tổng số (viết bằng chữ):

Tên, địa chỉ tổ chức, cá nhân xuất khẩu:

Nước xuất khẩu: Nước quá cảnh (nếu có)

Nơi chuyển đến:

Các vật dụng khác có liên quan:

Hồ sơ giấy tờ có liên quan:

Phương tiện vận chuyển:

CHỨNG NHẬN KIỂM DỊCH

Tôi kiểm dịch viên động vật ký tên dưới đây chứng nhận số động vật nêu trên:

1. Có đầy đủ giấy tờ hợp lệ.
2. Đã được kiểm tra và không có triệu chứng lâm sàng của bệnh truyền nhiễm khi nhập khẩu.

3. Số động vật trên đã được tiêm phòng và có miễn dịch với các bệnh:

a/Tiêm phòng ngày/...../...../

b/Tiêm phòng ngày/...../...../

c/Tiêm phòng ngày/...../...../

4. Phương tiện vận chuyển, các vật dụng khác có liên quan kèm theo bảo đảm yêu cầu vệ sinh thú y, đã được khử trùng tiêu độc bằng nồng độ.....

Giấy có giá trị đến:
...../...../.....

Cấp tại, ngày/..../.....

Kiểm dịch viên động vật
(Ký, ghi rõ họ tên)

THỦ TRƯỞNG CƠ QUAN
(Ký, đóng dấu, ghi rõ họ tên)

Mẫu 15b

TÊN CƠ QUAN KIỂM
DỊCH ĐỘNG VẬTCỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

GIẤY CHỨNG NHẬN KIỂM DỊCH SẢN PHẨM ĐỘNG VẬT NHẬP KHẨU

Số:/CN-KDSPĐVNK

Họ tên chủ hàng (hoặc người đại diện):

Địa chỉ giao dịch:

Điện thoại: Fax: Email:

Có nhập khẩu số sản phẩm động vật sau:

Loại hàng	Quy cách đóng gói	Số lượng (l)	Trọng lượng (kg)	Mục đích sử dụng
Tổng số				

Tổng số (viết bằng chữ):

Tên, địa chỉ tổ chức, cá nhân xuất khẩu:

Tên, địa chỉ cơ sở sản xuất, chế biến:

Nước xuất khẩu: Nước quá cảnh (nếu có)

Cửa khẩu nhập vào Việt Nam: Thời gian nhập:/...../.....

Nơi chuyên đến:

Các vật dụng khác có liên quan:

Hồ sơ giấy tờ có liên quan:

Phương tiện vận chuyển:

CHỨNG NHẬN KIỂM DỊCH

Tôi kiểm dịch viên động vật ký tên dưới đây chứng nhận số sản phẩm động vật nêu trên:

1. Có đầy đủ giấy tờ hợp lệ.
2. Đã được kiểm tra và bảo đảm các yêu cầu vệ sinh thú y khi nhập khẩu.
3. Sản phẩm động vật được bao gói, bảo quản theo quy định.

4. Số sản phẩm động vật trên đã được khử trùng tiêu độc bằng nồng độ
..... (nếu có).

5. Phương tiện vận chuyển, các vật dụng khác có liên quan kèm theo bảo đảm yêu cầu vệ sinh
thú y, đã được khử trùng tiêu độc bằng nồng độ

Giấy có giá trị đến:
...../...../.....

Cấp tại, ngày/..../.....

Kiểm dịch viên động vật
(Ký, ghi rõ họ tên)

THỦ TRƯỞNG CƠ QUAN
(Ký, đóng dấu, ghi rõ họ tên)

(1) Số lượng kiện, thùng, hộp,

Mẫu số 03

(TÊN CƠ QUAN CHỦ QUẢN)
TÊN CƠ QUAN KIỂM TRA**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM**
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

Số: /TB-.....

..., ngày ... tháng ... năm 20...

THÔNG BÁO**Kết quả kiểm tra nhà nước về chất lượng hàng hóa nhập khẩu**

Số TT	Tên hàng hóa, nhãn hiệu, kiểu loại	Đặc tính kỹ thuật	Xuất xứ, Nhà sản xuất	Khối lượng/ số lượng	Đơn vị tính	Ghi chú

- Cửa khẩu nhập:
- Thời gian nhập khẩu:
- Thuộc lô hàng có các chứng từ sau:
 - + Hợp đồng số:
 - + Danh mục hàng hóa số:
 - + Hóa đơn số:
 - + Vận đơn số:
 - + Tờ khai hàng nhập khẩu số:
 - + Giấy chứng nhận xuất xứ số (C/O):
 - + Giấy chứng nhận lưu hành tự do CFS
- Người nhập khẩu:
- Giấy đăng ký kiểm tra số: ngày tháng năm 20.....
- Căn cứ kiểm tra:
 - + Tiêu chuẩn công bố áp dụng:
 - + Quy chuẩn kỹ thuật:
 - + Quy định khác:
- Giấy chứng nhận hợp quy hoặc Giấy chứng nhận/giám định chất lượng lô hàng hóa nhập khẩu số:..... do tổ chức cấp
ngày:/...../..... tại:

KẾT QUẢ KIỂM TRA

Ghi một trong các nội dung:

Đáp ứng yêu cầu chất lượng hàng hóa nhập khẩu

Hoặc Không đáp ứng yêu cầu chất lượng hàng hóa nhập khẩu thì nêu lý do và các yêu cầu khác nếu có

Hoặc Lô hàng không hoàn thiện đầy đủ hồ sơ

Hoặc Lô hàng đề nghị đánh giá sự phù hợp lại tại

Hoặc Lô hàng chờ CQKT tiến hành lấy mẫu và thử nghiệm.

Nơi nhận:

- Người nhập khẩu;
- Hải quan cửa khẩu;
- Lưu: VT, (viết tắt tên CQKT).

CƠ QUAN KIỂM TRA

(Ký tên, đóng dấu)